



Working Paper 2025.2.5.10

- Vol. 2, No. 5

**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ PHÁP LÝ NHẪM KHUYẾN KHÍCH CHUYỂN ĐỔI,
THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG NGÀNH DU
LỊCH Ở VIỆT NAM THEO TIÊU CHUẨN CỦA HỘI ĐỒNG DU LỊCH BỀN
VỮNG TOÀN CẦU**

Hoàng Ngọc Điệp¹, Đoàn Gia Khánh, Vũ Hoàng Hương Ly

Sinh viên K62 Luật kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

TS. Phùng Thị Yến

Giảng viên khoa luật

Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội Việt Nam

Tóm tắt

Bài viết này nghiên cứu những vấn đề pháp lý xung quanh nền kinh tế tuần hoàn trong ngành công nghiệp du lịch ở Việt Nam theo bộ Tiêu chuẩn của Hội đồng du lịch bền vững toàn cầu (GSTC); từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất kiến nghị pháp lý nhằm khuyến khích chuyển đổi, thúc đẩy phát triển nền kinh tế du lịch bền vững: Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm. Dựa trên kết quả nghiên cứu từ hai nước Pháp và Singapore với sự nhiều tương đồng về hệ thống pháp luật và đặc điểm địa lý, nhóm tác giả đã rút ra bài học kinh nghiệm, từ đó có khuyến nghị trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý cụ thể nhằm áp dụng hiệu quả bộ Tiêu chuẩn của Hội đồng du lịch bền vững toàn cầu.

Từ khóa: du lịch, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm, Việt Nam.

**SOME LEGAL RECOMMENDATIONS TO ENCOURAGE THE TRANSITION
AND PROMOTE THE DEVELOPMENT OF A CIRCULAR ECONOMY IN**

¹ Tác giả liên hệ: hoangngocdiep15022005@gmail.com

VIETNAM'S TOURISM INDUSTRY ACCORDING TO THE STANDARDS OF THE GLOBAL SUSTAINABLE TOURISM COUNCIL

Abstract:

This article examines the legal issues surrounding the circular economy within the tourism industry in Vietnam following the Global Sustainable Tourism Council (GSTC) standards. It aims to propose lessons and legal recommendations to encourage the transition and promote the development of a sustainable tourism economy: responsible consumption and production. Based on research from two countries, France and Singapore, which share many similarities in legal systems and geographical characteristics, we have to recommend specific legal frameworks to apply GSTC standards effectively.

Key words: circular economy, tourism, responsible consumption and production, sustainable development, Vietnam

1. Lời mở đầu

Theo xu hướng đẩy mạnh phát triển nền kinh tế bền vững, nền kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế tiềm năng, góp phần tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) nói riêng và thịnh vượng của nền kinh tế nói chung. Liên quan đến việc áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực du lịch, Tiêu chuẩn của Hội đồng Du lịch Bền vững Toàn cầu (GSTC) đã trở thành một khung tham chiếu quan trọng, đưa ra các tiêu chí cụ thể xoay quanh doanh nghiệp du lịch, điểm đến và tổ chức quản lý nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường, tăng cường bảo tồn văn hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội bền vững.

Lý do nào khiến việc áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực công nghiệp dịch vụ chưa phổ biến ở Việt Nam? Những quy định của pháp luật Việt Nam nào được áp dụng để điều chỉnh vấn đề này? Liệu chúng có đủ khuyến khích ngành du lịch bền vững phát triển hay không khi ngành du lịch đại chúng vẫn tồn tại? Cần phải có kiến nghị gì để trong thời gian tới có thể phát triển ngành du lịch theo hướng tích cực?

Để trả lời cho những câu hỏi nêu trên, bài viết tập trung đề cập và phân tích Tiêu chuẩn của Hội đồng Du lịch Bền vững Toàn cầu, tham khảo kinh nghiệm về việc áp dụng pháp luật về kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực du lịch tại hai nước Pháp và Singapore dựa trên đặc điểm chung về hệ thống pháp luật và đặc điểm địa lý. Từ đó, bài viết đưa ra một số đánh giá khách quan cũng như kiến nghị pháp lý nhằm khuyến khích chuyển đổi, thúc đẩy phát triển nền kinh tế tuần hoàn trong ngành du lịch ở Việt Nam theo Tiêu chuẩn của Hội đồng du lịch bền vững toàn cầu.

2. Một số vấn đề chung về kinh tế tuần hoàn và Tiêu chuẩn của Hội đồng Du lịch Toàn cầu

2.1. Định nghĩa

2.1.1. Kinh tế tuần hoàn

Nhiều học giả cho rằng khung lý thuyết của khái niệm Kinh tế tuần hoàn (KTTH) được xây dựng chính thức lần đầu tiên bởi các nhà kinh tế môi trường Pearce và Turner (1990) dựa trên các nghiên cứu trước đó của nhà kinh tế sinh thái Kenneth Boulding, để chỉ mô hình kinh tế mới dựa trên nguyên lý cơ bản “mọi thứ đều là đầu vào đối với thứ khác”, hoàn toàn không

giống với cách nhìn của nền kinh tế tuyến tính truyền thống. Dựa theo nguyên lý đó của Pearce và Turner, trong một hệ thống kinh tế tuần hoàn, hầu như không có khái niệm "rác thải" theo nghĩa đen. Thay vào đó, mọi thứ, từ sản phẩm đã qua sử dụng cho đến chất thải công nghiệp, đều có thể trở thành nguyên liệu đầu vào cho một quy trình sản xuất khác. Điều này tạo ra một vòng tuần hoàn khép kín, nơi tài nguyên được sử dụng tối đa và tác động đến môi trường được giảm thiểu.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường (2020), “Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.”

2.1.2. Kinh tế tuần hoàn trong du lịch

Ngành du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp và có những đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm, song song với đó lại thường làm trầm trọng thêm tình trạng suy thoái môi trường do phụ thuộc vào các mô hình kinh tế tuyến tính tiêu thụ nhiều tài nguyên. Du lịch tuần hoàn có thể hiểu đơn giản là một mô hình du lịch bền vững, trong đó tài nguyên được sử dụng một cách hiệu quả, giảm thiểu lãng phí, và tái sử dụng mọi thứ có thể. Khái niệm này dựa trên nền kinh tế tuần hoàn, tức là thay vì khai thác và sử dụng tài nguyên theo cách truyền thống (mô hình tuyến tính), các hoạt động du lịch sẽ tập trung vào việc tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Điều này bao gồm việc hạn chế tiêu thụ các nguồn năng lượng không tái tạo, giảm phát thải và tạo ra lợi ích bền vững cho cả cộng đồng địa phương lẫn khách du lịch.

2.2. Tiêu chuẩn của Hội đồng du lịch bền vững toàn cầu

2.2.1. Giới thiệu

Tiêu chuẩn toàn cầu về du lịch và lữ hành bền vững Global Sustainable Tourism Council, được gọi là Tiêu chuẩn GSTC do Hội đồng Du lịch Bền vững Toàn cầu (GSTC - The Global Sustainable Tourism Council) thiết lập và quản lý. Mục tiêu của Tiêu chuẩn nhằm cung cấp kiến thức chung định hình tương lai của du lịch bền vững, và là chuẩn mực tối thiểu mà các doanh nghiệp du lịch cần phải đạt được. Các tiêu chuẩn được xây dựng theo bốn chủ đề chính: kế hoạch cho bền vững hiệu quả, tối đa hóa các lợi ích kinh tế xã hội cho cộng đồng, phát triển di sản văn hóa, và giảm thiểu các tác động có hại tới môi trường. Đây không chỉ là hướng dẫn chung mà còn là thước đo quan trọng để đánh giá mức độ bền vững của mọi hoạt động du lịch, đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai.

2.2.2 Tiêu chuẩn của GSTC

a) Chứng minh việc quản lý bền vững hiệu quả

Đầu tiên, để đảm bảo hoạt động kinh doanh du lịch bền vững, doanh nghiệp cần xây dựng và thực hiện không ngừng một hệ thống quản lý toàn diện. Hệ thống này bao gồm việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, tích cực tham gia vào các hoạt động bảo tồn và phát triển cộng đồng, như việc sử dụng năng lượng tái tạo, giảm thiểu rác thải, hoặc tổ chức các hoạt động thiện nguyện. Doanh nghiệp cũng cần minh bạch trong việc cung cấp thông tin về các hoạt động

bền vững, đồng thời khuyến khích sự tham gia của nhân viên và khách hàng. Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng bền vững, tôn trọng quyền sở hữu của cộng đồng địa phương và bảo tồn di sản văn hóa không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn tạo ra hình ảnh tốt đẹp cho doanh nghiệp, thu hút khách hàng và đảm bảo sự phát triển lâu dài.

b) Tối đa hóa các lợi ích kinh tế xã hội cho cộng đồng địa phương và tối thiểu hóa các tác động có hại

Đối với sự phát triển của cộng đồng địa phương, việc tạo ra các cơ hội việc làm công bằng, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ, và bảo vệ môi trường là những hành động thiết thực. Đồng thời, doanh nghiệp cần đảm bảo rằng tất cả các hoạt động kinh doanh đều tuân thủ các nguyên tắc đạo đức và pháp luật, đặc biệt là trong việc đối xử với người lao động. Ví dụ, một công ty cung cấp dịch vụ lưu trú có thể thực hiện các hoạt động như tài trợ cho các trường học địa phương, sử dụng năng lượng tái tạo, ưu tiên tiêu thụ các sản phẩm địa phương cũng như sử dụng nguồn nhân lực là người bản địa. Qua đó, doanh nghiệp không chỉ đóng góp vào sự phát triển kinh tế mà còn góp phần xây dựng một xã hội công bằng và bền vững.

c) Tối đa lợi ích cho di sản văn hóa và tối thiểu các tác động có hại

Cùng với các lợi ích trên, để phát triển du lịch bền vững, doanh nghiệp cần có vai trò tích cực trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa. Việc tuân thủ các quy định địa phương, tham gia bảo tồn di tích, và tôn trọng văn hóa bản địa là những yếu tố quan trọng. Bằng cách tích hợp các yếu tố văn hóa vào hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp không chỉ thu hút khách du lịch mà còn góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị di sản. Ví dụ, một khách sạn có thể tổ chức các hoạt động văn hóa như biểu diễn nghệ thuật dân gian, dạy nấu ăn truyền thống, triển lãm văn hóa tâm linh hoặc hợp tác với các làng nghề địa phương để tạo ra các sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

d) Tối đa lợi ích cho môi trường và tối thiểu tác động có hại

Cuối cùng, để xây dựng một tương lai bền vững, doanh nghiệp cần đóng vai trò tiên phong trong việc bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. Việc giảm thiểu lượng khí thải nhà kính, tiết kiệm năng lượng, và quản lý hiệu quả chất thải là những biện pháp cấp thiết. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần ưu tiên sử dụng các nguồn nguyên liệu tái tạo, bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, và tuân thủ các quy định về bảo tồn động vật hoang dã. Thông qua việc xây dựng các chuỗi cung ứng bền vững và khuyến khích du lịch sinh thái, doanh nghiệp không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn tạo ra giá trị gia tăng cho cộng đồng.

2.2.3. Tác động

Một trong những tác động đáng kể của GSTC là thúc đẩy sự phát triển của du lịch bền vững. Tiêu chuẩn GSTC cung cấp một khuôn khổ rõ ràng, giúp các quốc gia, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương hiểu rõ hơn về những gì cần làm để phát triển du lịch một cách bền vững. Bằng cách tập trung vào việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, bảo tồn di sản văn hóa và nâng cao đời sống cộng đồng, GSTC đã góp phần xây dựng hình ảnh du lịch bền vững trong tâm trí du khách.

Bên cạnh đó, Tiêu chuẩn GSTC còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Các tiêu chuẩn của GSTC khuyến khích các doanh nghiệp du lịch giảm thiểu lượng khí thải carbon, tiết kiệm năng lượng, xử lý chất thải hiệu quả và bảo vệ đa dạng sinh học. Điều này không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực của du lịch đến các điểm đến.

Ngoài ra, GSTC còn đóng góp vào việc nâng cao lợi ích kinh tế xã hội cho cộng đồng địa phương. Bằng cách khuyến khích các doanh nghiệp du lịch hợp tác với cộng đồng, tạo việc làm và bảo vệ quyền lợi của người dân địa phương, GSTC đã góp phần giảm nghèo và phát triển kinh tế bền vững ở các vùng du lịch.

Một trong những điểm mạnh của GSTC là khả năng thúc đẩy hợp tác quốc tế. Tiêu chuẩn GSTC đã tạo ra một diễn đàn để các quốc gia chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau và cùng nhau xây dựng một ngành du lịch bền vững. Bằng cách hợp tác với nhau, các quốc gia có thể giải quyết những thách thức chung và tận dụng các cơ hội mới.

Cuối cùng, Tiêu chuẩn của GSTC cũng góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch. Các doanh nghiệp đạt chứng nhận GSTC thường cung cấp những dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của du khách có ý thức về môi trường và xã hội. Điều này không chỉ giúp thu hút du khách mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Qua đó, ta có thể thấy Tiêu chuẩn GSTC đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc định hình tương lai của ngành du lịch. Bằng cách thúc đẩy sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống cộng đồng, GSTC đã trở thành một công cụ hữu ích cho các quốc gia muốn phát triển du lịch một cách bền vững và có trách nhiệm.

3. Một số kiến nghị pháp lý nhằm khuyến khích chuyển đổi, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn trong ngành du lịch ở Việt Nam

3.1. Thuận lợi và khó khăn khi áp dụng mô hình KTTH trong phát triển du lịch ở Việt Nam

a) Thuận lợi

Trên hành trình chuyển đổi xanh và phát triển KTTH trong lĩnh vực du lịch, Việt Nam có nhiều thuận lợi:

Một là, Việt Nam bước đầu có những nền tảng chính sách, pháp lý khá đầy đủ về mô hình kinh tế tuần hoàn. Với Đề án Phát triển KTTH ở Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/06/2022, phát triển KTTH là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và góp phần hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

Hai là, Việt Nam với sự đa dạng bản sắc văn hóa dân tộc kết hợp cùng nhiều khu vực sinh học cao. Đây là những nguồn tài nguyên để phát triển du lịch sinh thái cũng như du lịch cộng đồng bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Đặc biệt, Việt Nam có tiềm năng lớn về phát triển năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió và thủy điện, có thể hỗ trợ cho các dự án du lịch bền vững, giúp giảm phát thải và sử dụng nguồn năng lượng sạch trong các hoạt động du lịch.

Ba là, với chiến lược ngoại giao “cây tre”, Việt Nam tham khảo được nhiều hình tốt của nhiều quốc gia trong lĩnh vực này, đặc biệt là các nước Bắc Âu và các nước có nền kinh tế phát triển. Trong khuôn khổ Dự án toàn cầu “Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn nhằm bảo vệ khí hậu và môi trường biển - Go Circular” do Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ) ủy nhiệm cho Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức GIZ thực hiện, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Diễn đàn “Phát triển kinh tế tuần hoàn: Xu hướng thế giới và định hướng chính sách tại Việt Nam”, TS. Michaela Baur Giám đốc quốc gia của GIZ Việt Nam đã có những chia sẻ các kinh nghiệm của Đức trong cả khu vực nhà nước và tư nhân, những thách thức và giải pháp cho KTTH với mong muốn Việt Nam có thể phát triển mô hình riêng mình.

b) Khó khăn

Bên cạnh đó, quá trình phát triển KTTH ở Việt Nam cũng sẽ gặp không ít khó khăn và thách thức, cụ thể:

Thứ nhất, nhận thức về KTTH nói chung và mô hình kinh tế du lịch tuần hoàn nói riêng vẫn là một khái niệm rất mới. Nhận thức của doanh nghiệp, người tiêu dùng dịch vụ du lịch về KTTH chưa đầy đủ, thiếu nhận thức và hiểu biết về KTTH ở cấp quản lý, sản xuất và tiêu tiền. Thực tiễn, các tiêu chí nhận dạng kỹ thuật mô hình KTTH và các quy định, hướng dẫn áp dụng mô hình KTTH cụ thể cho loại hình doanh nghiệp du lịch chưa có, sự thiếu đồng bộ và thống nhất giữa các quy định pháp luật ở cấp Trung ương và địa phương. Trong khi đó doanh nghiệp chính là những chủ thể triển khai mô hình này.

Thứ hai, thách thức lớn nhất trong việc áp dụng mô hình KTTH là đòi hỏi đầu tư lớn vào kết cấu hạ tầng thu gom, phân loại và tái chế rác; đảm bảo hài hòa giữa chi phí và lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh. Trong khi đó, nguồn lực về kinh tế cho phát triển kinh tế tuần hoàn còn thiếu, các doanh nghiệp du lịch gặp trở ngại khi áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn gắn với tái cơ cấu hoạt động kinh doanh, tăng đầu tư đổi mới công nghệ, tái sử dụng, tái chế hoặc bảo đảm đầu vào cho chuỗi hoạt động kế tiếp.

Thứ ba, công tác thu hút đầu tư vào các khu du lịch cũng chưa xuất phát từ yêu cầu và đặc điểm của mô hình KTTH, còn hoạt động theo logic trên nền kinh tế tuyến tính tập trung vào việc tạo ra giá trị ngắn hạn, khi mà các nhà đầu tư ban đầu tiếp cận đến trách nhiệm của doanh nghiệp.

3.2. Thực trạng quy định pháp lý về kinh tế tuần hoàn trong ngành du lịch tại Việt Nam

3.2.1. Các quy định pháp lý về kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam

Trước khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được ban hành, khái niệm kinh tế tuần hoàn chưa được chính thức thừa nhận trong các văn bản pháp lý của Nhà nước. Tuy nhiên, các nguyên tắc như sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải ra môi trường đã được lồng ghép trong nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Thông qua Nghị quyết số 41-NQ/TW năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhấn mạnh việc phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đối với môi trường, kết hợp xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và bảo tồn thiên nhiên. Đồng thời, cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung phát triển năm 2011) cũng xác định rõ trách nhiệm của toàn xã hội trong việc bảo vệ môi trường,

nhấn mạnh sự kết hợp giữa ngăn ngừa ô nhiễm, phát triển năng lượng sạch, sản xuất và tiêu dùng sạch, cùng với việc quản lý, bảo vệ và tái tạo tài nguyên quốc gia một cách hiệu quả. Kinh tế tuần hoàn cũng được tiếp tục khẳng định trong Nghị quyết số 24-NQ/TW năm 2013 về ứng phó với biến đổi khí hậu, với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Nghị quyết 55-NQ/TW năm 2020 của Bộ Chính trị về phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030 cũng nhấn mạnh việc phát triển các loại năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và sử dụng hợp lý các nguồn năng lượng hóa thạch.

Một số nội dung mà pháp luật Việt Nam đã đề cập đến kinh tế tuần hoàn nói chung và KTTH trong du lịch nói riêng bao gồm:

Đầu tiên, về định nghĩa, như đã đề cập ở trên, khái niệm “Kinh tế tuần hoàn” đã được định nghĩa căn cứ vào Khoản 1 Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Tại Việt Nam, xây dựng kinh tế tuần hoàn đã được xác định là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 trong dự thảo Văn kiện trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Việc luật hóa mô hình kinh tế này trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 là sự thể chế hóa đồng bộ và thống nhất quan điểm của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh phát triển nhanh và bền vững đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ hai, quy định về tiêu chí chung về kinh tế tuần hoàn. Cụ thể, nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đã nêu rõ các tiêu chí chung về kinh tế tuần hoàn, nhằm tạo ra một khung pháp lý cụ thể hơn cho việc thực hiện mô hình này trong thực tế. Điều này đồng thời thể hiện rõ trách nhiệm của cả Nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp trong việc xây dựng và phát triển kinh tế tuần hoàn, qua đó bảo vệ môi trường, giảm thiểu phát thải và thúc đẩy phát triển bền vững.

Những quy định mới này hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới và mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam, như đã được khẳng định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Nhà nước, các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp đều phải đóng góp vào việc xây dựng nền kinh tế xanh, sử dụng tài nguyên hiệu quả và kiểm soát ô nhiễm, tiến tới một môi trường sống trong lành và phát triển bền vững cho cả cộng đồng.

3.2.2. Thực trạng pháp lý về kinh tế tuần hoàn trong ngành du lịch ở Việt Nam

Mặc dù đã chính thức được ghi nhận và luật hóa KTTH trong hệ thống văn bản pháp luật ở trên, pháp lý về kinh tế tuần hoàn trong du lịch vẫn còn là một tờ giấy trắng. Định nghĩa đối với khái niệm KTTH được nhắc tới tại Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, tuy nhiên vẫn chưa có điều luật nào quy định về mô hình này trong ngành du lịch trong hệ thống pháp lý của Việt Nam.

Bản thân mô hình kinh tế tuần hoàn là một chính sách phát triển kinh tế mới, việc chuyển đổi gặp nhiều khó khăn, thách thức nên cần có hệ thống chính sách và công cụ thúc đẩy mang tính toàn diện, đồng bộ, với lộ trình, mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cần thiết phải được quy định chi tiết và đầy đủ. Việc áp dụng mô hình vào ngành trên vẫn còn lạ lẫm đối với nước ta, song việc

thiếu hụt cơ sở pháp lý là trở ngại lớn cho các doanh nghiệp, các tổ chức hay nhà nước triển khai công tác ứng dụng mô hình trên vào ngành “công nghiệp không khói”.

3.4. Một số kiến nghị cụ thể

3.4.1. Chứng minh việc quản lý bền vững hiệu quả

Thứ nhất, yêu cầu một hành lang pháp lý quy định nghiêm ngặt hệ thống quản lý bền vững mang quy mô quốc gia cho các doanh nghiệp du lịch tại Việt Nam, bảo đảm quản lý chặt chẽ các yếu tố môi trường, xã hội, văn hóa, và kinh tế theo tiêu chuẩn quốc tế. Nhà nước cần đưa ra các yêu cầu chi tiết về việc áp dụng hệ thống này, ủy quyền một số cá nhân nhất định có thẩm quyền trách nhiệm quản lý bền vững, bao gồm giám sát định kỳ, quy định báo cáo thường niên, đảm bảo chính xác, minh bạch và công khai. Đề xuất này cũng bao gồm việc triển khai cơ chế giám sát và báo cáo công khai mức độ tuân thủ đến từ vị trí doanh nghiệp. Cụ thể, doanh nghiệp cần cung cấp thông tin công khai và chi tiết về các chính sách và hoạt động bền vững của mình cho cộng đồng và các bên liên quan, thông qua báo cáo bền vững định kỳ hoặc thông qua cổng thông tin trực tuyến.

Thứ hai, việc ban hành một luật khung về hợp đồng xanh là hết sức cần thiết. Nhà nước cần quy định bắt buộc các doanh nghiệp du lịch chỉ được ký kết hợp đồng với những nhà cung cấp đã đạt được các chứng nhận quản lý môi trường quốc tế như ISO 14001 hoặc các tiêu chuẩn tương đương. Đồng thời, việc xây dựng một hệ thống chứng nhận bền vững quốc gia sẽ giúp minh bạch hóa thông tin, tạo niềm tin cho khách hàng và thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp. Hệ thống này cần được liên kết với các tiêu chuẩn quốc tế để đảm bảo tính tương thích và nâng cao uy tín của sản phẩm du lịch Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Thứ ba, cần thiết lập và vận hành hiệu quả thị trường tín chỉ năng lượng tái tạo. Song song đó, việc ban hành các chính sách giảm thiểu tiêu thụ năng lượng bắt buộc cũng là một yếu tố quan trọng. Việc quy định áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng tiên tiến như hệ thống quản lý năng lượng thông minh (BEMS), tích hợp cảm biến và tự động hóa trong các hoạt động vận hành khách sạn và khu nghỉ dưỡng sẽ không chỉ giảm thiểu đáng kể lượng tiêu thụ năng lượng mà còn nâng cao hiệu quả hoạt động và trải nghiệm của khách hàng.

Thứ tư, việc ban hành các quy định về quản lý chất thải thực phẩm và chiến lược tái sử dụng, tái chế là vô cùng cần thiết. Cụ thể, các doanh nghiệp du lịch nên được yêu cầu bắt buộc áp dụng các công nghệ tiên tiến để quản lý tiêu dùng thực phẩm một cách hiệu quả, như hệ thống quản lý hàng tồn kho theo thời gian thực và phần mềm dự báo nhu cầu. Các doanh nghiệp nên được khuyến khích đầu tư vào cơ sở hạ tầng xử lý chất thải tại chỗ hoặc hợp tác với các đơn vị thu gom và xử lý chất thải chuyên nghiệp. Để đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả, việc báo cáo định kỳ về kết quả thực hiện các hoạt động này là điều cần thiết.

3.4.2. Tối đa hóa các lợi ích kinh tế xã hội cho cộng đồng địa phương và tối thiểu hóa các tác động có hại

Một là, chính phủ và các cơ quan ban ngành cần xây dựng các chính sách quy hoạch phát triển kinh tế bền vững dài hạn những tiêu chí nhận dạng kỹ thuật mô hình KTTH và các quy định, hướng dẫn áp dụng mô hình KTTH cụ thể cho loại hình doanh nghiệp du lịch quy mô vừa và nhỏ

phù hợp với địa phương, song song với đó là triển khai công tác quản lý, thanh tra, rà soát chặt chẽ, đảm bảo cho các doanh nghiệp tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Hai là, nhà nước cần ban hành thiết lập hệ thống quản lý tương tác văn hóa, đảm bảo sự hài hòa giữa việc tham quan và giao lưu bản sắc văn hóa dân tộc của du khách. Hệ thống này cần được áp dụng một cách nghiêm ngặt, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như GSTC. Song song với đó là áp dụng sáng tạo và đổi mới vào các hoạt động trải nghiệm như công nghệ thực tế ảo (VR) để mang lại trải nghiệm văn hóa số cho du khách, giúp giảm áp lực lên các khu văn hóa thực tế. Ngoài ra, để đảm bảo các hoạt động văn hóa và di sản được ủng hộ và thúc đẩy phát triển, các doanh nghiệp du lịch được khuyến khích sử dụng các yếu tố văn hóa địa phương trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo các quyền và lợi ích của cộng đồng địa phương, đồng thời đặc biệt lưu ý phải tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và bản quyền.

Ba là, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và văn hóa bản địa. Các quy định pháp lý cần tập trung vào việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của cộng đồng địa phương liên quan đến các yếu tố văn hóa như nghệ thuật, kiến trúc, ẩm thực, và sản phẩm thủ công. Điều này đảm bảo rằng các hoạt động kinh tế không xâm phạm quyền lợi của cộng đồng và vẫn tạo ra cơ hội khai thác bền vững.

3.4.3. Tối đa lợi ích cho di sản văn hóa và tối thiểu tác động có hại

Thứ nhất, việc thiết lập các chính sách bảo tồn sinh thái bắt buộc đối với doanh nghiệp du lịch là một bước đi cần thiết nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong ngành. Yêu cầu đánh giá tác động môi trường đối với mọi dự án mới và định kỳ, đặc biệt tại các điểm nóng đa dạng sinh học, sẽ giúp giảm thiểu những tác động tiêu cực tiềm ẩn. Quy định doanh nghiệp phải đóng góp vào quỹ bảo tồn địa phương không chỉ đảm bảo nguồn lực tài chính ổn định cho các hoạt động bảo tồn mà còn tạo động lực cho doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào các hoạt động cộng đồng. Bên cạnh đó, hợp tác công-tư là một mô hình hiệu quả để tăng cường năng lực quản lý bảo tồn và kích thích đổi mới sáng tạo trong các giải pháp bảo vệ môi trường. Việc liên kết các doanh nghiệp du lịch với các cơ quan quản lý khu bảo tồn sẽ tạo ra một mạng lưới hợp tác bền vững, nơi các bên cùng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và nguồn lực. Các dự án bảo vệ và phục hồi môi trường tự nhiên do các liên minh này thực hiện không chỉ mang lại lợi ích về mặt sinh thái mà còn tăng cường hình ảnh thương hiệu cho doanh nghiệp, thu hút khách hàng có ý thức về bảo vệ môi trường.

Thứ hai, việc cấp phép du lịch sinh thái cần được siết chặt nhằm đảm bảo tính bền vững của các hệ sinh thái nhạy cảm. Cụ thể, nên áp dụng cơ chế cấp phép kép, trong đó doanh nghiệp không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn quản lý môi trường mà còn phải trình bày kế hoạch chi tiết về việc hồi phục và nâng cao giá trị sinh thái của khu vực. Bên cạnh đó, việc xây dựng hệ thống đánh giá tác động môi trường chiến lược đối với các dự án du lịch sinh thái là cần thiết để xác định rõ ràng các rủi ro tiềm ẩn và đưa ra các biện pháp giảm thiểu hiệu quả. Song song với đó, việc nâng cao nhận thức của du khách đóng vai trò quan trọng. Cần thiết phải ban hành quy định bắt buộc các đơn vị kinh doanh du lịch phải tổ chức các buổi tập huấn trực tuyến hoặc ngoại khóa để trang bị cho du khách những kiến thức cơ bản về bảo tồn thiên nhiên và các hành vi du lịch bền vững. Ngoài ra, việc phát triển các ứng dụng di động tương tác, cung cấp thông tin chi

tiết về các điểm đến, quy định và hành vi được khuyến khích, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho du khách chủ động tham gia vào quá trình bảo vệ môi trường.

Thứ ba, việc áp dụng các tiêu chuẩn kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn đối với các khu du lịch, đặc biệt là những khu vực bảo tồn thiên nhiên, bằng cách yêu cầu sử dụng thiết bị giảm tiếng ồn và xây dựng không gian âm thanh tự nhiên. Cơ chế giảm ô nhiễm ánh sáng cần được ưu tiên, bao gồm sử dụng đèn cường độ thấp và thiết kế ánh sáng hợp lý để bảo vệ hệ sinh thái và chu kỳ sinh học của động vật. Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo và giảm các hợp chất gây hại cho tầng ozone thông qua đầu tư vào công nghệ lạnh không chứa CFC và áp dụng biện pháp tiết kiệm năng lượng. Chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng đầu tư cho doanh nghiệp tuân thủ các tiêu chuẩn sẽ thúc đẩy chuyển đổi xanh trong ngành du lịch.

3.4.4. Tối đa lợi ích cho môi trường và tối thiểu tác động có hại

a) Bảo tồn tài nguyên

Thứ nhất, phát triển cơ sở hạ tầng bền vững và bảo vệ môi trường cần được triển khai đồng bộ, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, đồng thời phải tuân thủ các quy định về quy hoạch và bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên. Ngoài ra, Nhà nước cần yêu cầu doanh nghiệp phải tuân thủ chặt chẽ các quy định phân vùng và bảo vệ các khu vực nhạy cảm. Đề xuất pháp lý này có thể bao gồm việc yêu cầu đánh giá tác động môi trường trước khi xây dựng và áp dụng quy trình bền vững trong vật liệu xây dựng.

Thứ hai, để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong ngành du lịch, đặc biệt tại các khu vực dễ bị tổn thương bởi tình trạng khan hiếm nước, Chính phủ cần ban hành quy định bắt buộc các doanh nghiệp du lịch lập kế hoạch quản lý tài nguyên nước một cách bền vững, bao gồm các giải pháp cụ thể như ứng dụng công nghệ tiên tiến để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nước, xây dựng hệ thống thu gom và tái chế nước mưa, cũng như đầu tư vào các giải pháp xử lý nước thải hiện đại. Song song đó, cần thiết lập một hệ thống báo cáo và đánh giá tác động môi trường minh bạch, từ đó làm cơ sở để đánh giá hiệu quả của các chính sách và áp dụng các biện pháp xử phạt đối với những đơn vị vi phạm. Bên cạnh đó, việc khuyến khích các doanh nghiệp đạt chuẩn về quản lý nước bền vững thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng sẽ là động lực để thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh trong ngành du lịch.

b) Giảm thiểu ô nhiễm

Thứ nhất, việc xây dựng một khung pháp lý toàn diện và bắt buộc nhằm đo lường, báo cáo và giảm thiểu phát thải khí nhà kính là hết sức cần thiết. Các doanh nghiệp du lịch sẽ được yêu cầu bắt buộc thực hiện kiểm kê khí nhà kính hàng năm và công khai báo cáo kết quả. Song song đó, Nhà nước có thể thiết lập một thị trường tín chỉ carbon nội địa và tích cực tham gia vào các sáng kiến khu vực như thị trường carbon ASEAN. Cơ chế này sẽ tạo ra một động lực kinh tế để các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án giảm thiểu phát thải, đồng thời góp phần bù đắp lượng phát thải còn lại. Nhà nước có thể thành lập các quỹ hỗ trợ đặc biệt hoặc triển khai các chính sách ưu đãi thuế để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các công nghệ xanh, năng lượng tái tạo và các giải pháp hiệu quả năng lượng. Cơ chế hỗ trợ này sẽ giúp giảm thiểu rào cản tài chính và khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào quá trình chuyển đổi.

Thứ hai, việc thiết lập các tiêu chuẩn nghiêm ngặt đối với vận tải du lịch là vô cùng cần thiết. Cụ thể, nên ban hành quy định buộc các phương tiện vận chuyển khách du lịch phải đạt tiêu chuẩn khí thải Euro 5 trở lên, đồng thời ưu tiên phát triển các phương tiện chạy bằng điện hoặc năng lượng tái tạo. Để tạo ra rào cản đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường, việc áp dụng mức phạt hành chính và thuế môi trường đối với các doanh nghiệp sử dụng phương tiện vận tải không đạt chuẩn hoặc hoạt động trong các khu vực bảo tồn sinh thái là hoàn toàn phù hợp, qua đó góp phần bảo vệ môi trường, tạo ra một sân chơi cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp và khuyến khích họ đầu tư vào công nghệ xanh.

Thứ ba, việc bắt buộc xử lý nước thải sinh hoạt trong các cơ sở du lịch theo tiêu chuẩn quốc gia về nước tái sử dụng là một bước đi thiết yếu. Để khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các công nghệ tiên tiến, nhà nước nên có những chính sách hỗ trợ cụ thể như miễn thuế nhập khẩu đối với các thiết bị xử lý nước thải thân thiện với môi trường. Việc xây dựng một cơ chế giám sát chặt chẽ chất lượng nước thải sau xử lý, kết hợp với việc công khai thông tin, sẽ tạo ra áp lực xã hội đối với các doanh nghiệp, thúc đẩy họ nâng cao trách nhiệm xã hội. Việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước tái sử dụng trong du lịch, kết hợp với việc đào tạo nguồn nhân lực, sẽ tạo ra một khuôn khổ pháp lý hoàn chỉnh, hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các giải pháp xử lý nước thải hiệu quả.

Thứ tư, cần ban hành quy định bắt buộc về giảm thiểu chất thải rắn đối với các cơ sở lưu trú du lịch, bao gồm khách sạn và khu nghỉ dưỡng. Quy định này cần chi tiết hóa đến việc phân loại rác tại nguồn và đặt ra mục tiêu cụ thể về tỷ lệ tái chế, ví dụ như không dưới 50% lượng chất thải phát sinh phải được tái chế. Bên cạnh đó, việc quản lý chất thải thực phẩm cũng cần được quan tâm đặc biệt. Việc khuyến khích và hỗ trợ các cơ sở lưu trú áp dụng công nghệ ủ phân vi sinh để xử lý rác hữu cơ sẽ góp phần giảm thiểu đáng kể lượng chất thải chôn lấp. Cuối cùng, việc quản lý chất thải nguy hại cần được siết chặt thông qua việc ban hành các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về thu gom, vận chuyển và xử lý. Các doanh nghiệp trong ngành du lịch phải có trách nhiệm hợp tác với các cơ sở xử lý chất thải được cấp phép và báo cáo định kỳ về lượng chất thải nguy hại phát sinh. Việc xây dựng một hệ thống giám sát chặt chẽ sẽ giúp đảm bảo tuân thủ pháp luật và ngăn chặn các hành vi xả thải trái phép.

Thứ năm, việc ban hành các quy định nghiêm ngặt nhằm giảm thiểu sử dụng hóa chất độc hại, bao gồm thuốc trừ sâu, sơn chứa chì và hóa chất xử lý hồ bơi là một bước đi thiết yếu. Đồng thời, việc khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi sang sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường thông qua cơ chế miễn giảm thuế nhập khẩu sẽ tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình này. Việc xây dựng và áp dụng nghiêm ngặt các tiêu chuẩn quốc gia về sử dụng hóa chất an toàn trong ngành du lịch là vô cùng cần thiết. Cụ thể, các doanh nghiệp nên được yêu cầu chỉ sử dụng các loại hóa chất đã được chứng nhận bởi các tổ chức uy tín, có quy trình quản lý chất thải rõ ràng và minh bạch. Việc thực thi hiệu quả các quy định này không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn nâng cao hình ảnh du lịch Việt Nam, thu hút du khách có ý thức về bảo vệ môi trường.

c) Bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và cảnh quan

Thứ nhất, việc bảo tồn đa dạng sinh học và kiểm soát loài ngoại lai xâm hại là yếu tố cốt lõi. Về mặt pháp lý, cần ban hành quy định mạnh mẽ, bắt buộc các dự án du lịch phải sử dụng chủ yếu các loài thực vật và động vật bản địa trong thiết kế và quản lý cảnh quan. Việc lựa chọn loài cần được các chuyên gia sinh thái học đánh giá kỹ lưỡng về tính phù hợp sinh thái, đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến hệ sinh thái tự nhiên. Song song đó, việc thiết lập các trạm kiểm dịch sinh học tại các cửa ngõ du lịch và khu bảo tồn là hết sức cần thiết để ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của các loài ngoại lai xâm hại. Một sáng kiến đáng cân nhắc là việc xây dựng một cơ sở dữ liệu quốc gia về các loài bản địa và ngoại lai xâm hại, phục vụ cho công tác quản lý, giám sát và nghiên cứu khoa học.

Thứ hai, chương trình chứng nhận tương tác có trách nhiệm là một giải pháp khả thi để quản lý hiệu quả các hoạt động du lịch liên quan đến động vật hoang dã tại Việt Nam. Cụ thể, một hệ thống chứng nhận độc lập, minh bạch và dựa trên các tiêu chí khoa học sẽ được thiết lập. Các doanh nghiệp muốn tổ chức các hoạt động tương tác phải trải qua quá trình đánh giá nghiêm ngặt về các yếu tố như: điều kiện sống của động vật, quy trình huấn luyện, mức độ xâm hại của hoạt động, và các biện pháp bảo vệ phúc lợi động vật. Để đảm bảo tính hiệu lực của chương trình, cần có một cơ chế giám sát và xử lý vi phạm rõ ràng. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ động vật hoang dã sẽ phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành du lịch để tiến hành các cuộc kiểm tra đột xuất và định kỳ. Việc xây dựng một cơ sở dữ liệu quốc gia về các hoạt động tương tác với động vật hoang dã để theo dõi, đánh giá và điều chỉnh các chính sách, tham gia các diễn đàn quốc tế và học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia có nền du lịch phát triển cũng là một hướng đi cần thiết để hoàn thiện hệ thống quản lý này.

Thứ ba, việc thiết lập một khung pháp lý chặt chẽ và toàn diện đối với khai thác và vận chuyển sinh vật hoang dã thông qua ban hành quy định về hệ thống cấp phép chặt chẽ, chỉ cấp phép cho các hoạt động khai thác và buôn bán sinh vật hoang dã diễn ra trong các cơ sở bảo tồn thiên nhiên hoặc các cơ sở nuôi trồng có giấy phép, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn khoa học về bảo tồn đa dạng sinh học. Đồng thời, cần tăng cường trách nhiệm pháp lý của các doanh nghiệp du lịch, áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính nghiêm khắc, thậm chí truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm. Bên cạnh đó, việc xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục cộng đồng về bảo tồn thiên nhiên và ý thức trách nhiệm của du khách cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đa dạng sinh học và thúc đẩy du lịch bền vững.

Kết luận

Thực tế cho thấy rằng, Việt Nam đã có những thành công bước đầu trong việc đưa mô hình kinh tế tuần hoàn việc tiếp cận các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực du lịch. Tuy nhiên nếu xét trên bối cảnh thế giới thì nước ta vẫn còn non trẻ trong việc tạo điều kiện và tận dụng hết nguồn lực cho mục tiêu phát triển kinh tế bền vững. Trong khi đó, quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng phải là hai yếu tố song hành, không thể tách rời nhau. Việc áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam còn nhiều hạn chế, do chịu tác động từ nhiều yếu tố bao gồm kinh tế, xã hội, chính trị và cộng đồng,.. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần tiến hành nghiên cứu, tìm hiểu, tham khảo, xây dựng những quy định pháp luật phù hợp để thúc đẩy hoạt động áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

Tài liệu tham khảo

Tổng cục Thống kê. (2024), “Báo cáo tình hình Kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2024”, Báo cáo số 279/BC-TCTK, ngày 06/10/2024, Available at: <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2024/10/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iii-va-9-thang-nam-2024/> (Accessed: 18 October 2024).

Bộ Chính trị. (2022), “Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Văn kiện nội bộ Đảng, ngày 07/10/2022, Available at: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-24-nqtw-ngay-07102022-cua-bo-chinh-tri-ve-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-va-bao-dam-quoc-phong-an-ninh-8927> (Accessed: 20 October 2024).

Bộ Chính trị. (2023), “Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới”, Văn kiện nội bộ Đảng, ngày 10/10/2023, Available at: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-41-nqtw-ngay-10102023-cua-bo-chinh-tri-ve-xay-dung-va-phat-huy-vai-tro-cua-doi-ngu-doanh-nhan-viet-nam-9816> (Accessed: 17 October 2024).

Bộ Chính trị. (2020), “Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Văn kiện nội bộ Đảng, ngày 11/02/2020, Available at: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-55-nqtw-ngay-11022020-cua-bo-chinh-tri-ve-dinh-huong-chien-luoc-phat-trien-nang-luong-quoc-gia-cua-viet-nam-den-6096> (Accessed: 19 October 2024).

Dân trí. (2020), “Cần phát triển du lịch bền vững thế nào?”, Available at: <https://dantri.com.vn/du-lich/du-lich-ben-vung-the-nao-20200113080327384.htm> (Accessed: 18 October 2024).

Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp. (2024), “Đo lường khí thải carbon: Thị trường tiềm năng mới cho doanh nghiệp”, Available at: <https://trungtamwto.vn/tin-tuc/26246-do-luong-khi-thai-carbon-thi-truong-tiem-nang-moi-cho-doanh-nghiep> (Accessed: 20 October 2024).

VNGreen. (2022), “Quy định về kinh tế tuần hoàn theo Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020”, Available at: <https://vngreen.vn/quy-dinh-ve-kinh-te-tuan-hoan-theo-luat-bao-ve-moi-truong-nam-2020-011625.html> (Accessed: 18 October 2024).

Hội Đồng Du Lịch Bền Vững Toàn Cầu. (2016), “Tiêu Chuẩn Du Lịch Bền Vững GSTC”, Available at: https://www.gstcouncil.org/wp-content/uploads/Vietnamese-GSTC_Industry_Criteria-Dec2016-Tieng-Viet.pdf (Accessed: 10 October 2024).

ICED. (nd), “Phát triển kinh tế tuần hoàn là yêu cầu tất yếu của phát triển bền vững”, Available at: <https://iced.org.vn/khai-niem-kinh-te-tuan-hoan> (Accessed: 20 October 2024).

Lê, V. M. (n.d.), “Hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn khi thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường trong EVFTA”, Available at: <https://khoamoitruongdothi.neu.edu.vn/vi/tin-tuc->

[1604/hoan-thien-phap-luat-ve-kinh-te-tuan-hoan-khi-thuc-hien-cac-cam-ket-bao-ve-moi-truong-trong-evfta](#) (Accessed: 18 October 2024). Luật Chống lãng phí và Kinh tế tuần hoàn năm 2020, Pháp

Lý, H.P. (2024), “Ứng dụng kinh tế tuần hoàn trong du lịch ẩm thực tại Nhật Bản và một số kiến nghị cho Việt Nam”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 32, Available at: <https://kinhtevadubao.vn/ung-dung-kinh-te-tuan-hoan-trong-du-lich-am-thuc-tai-nhat-ban-va-mot-so-kien-nghi-cho-viet-nam-29185.html> (Accessed: 20 October 2024).

Nguyễn, T.T. (2020), Bài đăng trên Thông tin Phục vụ lãnh đạo số 21 - 2020”, Available at: <https://mof.gov.vn/webcenter/ShowProperty?nodeId=/UCM12/MOFUCM187894//idcPrimaryFile&revision=latestreleased&rid=1> (Accessed: 15 October 2024).

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2020), Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Available at: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-so-72-2020-QH14-Bao-ve-moi-truong-2020-431147.aspx> (Accessed: 20 October 2024).

Quỳnh Chi (Theo CNA). (2021), “Singapore công bố Kế hoạch Xanh đến năm 2030, đưa ra các mục tiêu xanh cho 10 năm tới”, Available at: <https://vtv.vn/the-gioi/singapore-cong-bo-ke-hoach-xanh-den-nam-2030-dua-ra-cac-muc-tieu-xanh-cho-10-nam-toi-2021021106245805.htm> (Accessed: 20 October 2024).

Trung Tâm WTO. (2023), “Thỏa thuận Xanh EU và Xuất khẩu của Việt Nam”, Available at: <https://trungtamwto.vn/an-pham/24937-thoa-thuan-xanh-eu-va-xuat-khau-cua-viet-nam-truong-hop-cua-nganh-nong-san-thuc-pham-va-det-may> (Accessed: 19 October 2024).

Trung Tâm WTO. (2023), “Kế hoạch hành động về kinh tế tuần hoàn (CEAP) trong Thỏa thuận Xanh EU”, Available at: <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/25071-ke-hoach-hanh-dong-ve-kinh-te-tuan-hoan-ceap-trong-thoa-thuan-xanh-eu> (Accessed: 19 October 2024).

European Commission. (2020), “Circular Economy Action Plan”, Available at: https://environment.ec.europa.eu/strategy/circular-economy-action-plan_en (Accessed: March 2020).

European Commission. (2020), “Financing the Green Transition: The European Green Deal Investment Plan and Just Transition Mechanism”, Available at: https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/ip_20_17 (Accessed: 15 October 2024).